TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-6-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Xuân Quyết
Ông Nguyễn Thành Biên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1083/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 1102/TB-TA ngày 29 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị LTNH; nơi ĐKNKTT: Số 4/155 HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: A, quận B, thành phố C, D; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh PTN; nơi ĐKNKTT: Xã KT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: A, quận B, thành phố C, D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản khai, nguyên đơn chị LTNH và bị đơn là anh PTN thống nhất trình bày:

Chị H và anh N quen biết, tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại C, D. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình và bạn bè hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn với anh N. Anh N cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị H, anh N xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị H, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án Chị H, anh N không có sự thay đổi quan điểm tại đơn xin ly hôn, bản tự khai đã gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Chị H, anh N mang quốc tịch Việt Nam, đang cư trú tại D. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh PTN có mặt tại Việt Nam. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án xét xử vắng mặt anh PTN, chị LTNH (theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt) đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung:

[2]. Xác định quan hệ hôn nhân: Chị H, anh N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại C, D. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm, cãi nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của Chị H, anh N là tự nguyện, nên chấp nhận cho Chị H, anh N được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung và tài sản chung: Chị H, anh N không có con chung không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị LTNH được ly hôn với anh PTN.

2. Về con chung: Chị H, anh N không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị LTNH phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0010694 ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị LTNH đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Tổng LSQ VN tại Fukuoka, Nhật Bản;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy